
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	3-5
Báo cáo Kiểm toán	6-7
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	8-10
Báo cáo kết quả kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính	13-23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quảng Cáo và Hội Chợ Thương Mại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Quảng Cáo và Hội Chợ Thương Mại được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103010028 ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 05 năm 2007.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quảng cáo và Hội chợ triển lãm thương mại;
- Du lịch, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị máy văn phòng, hàng điện tử, nông sản thực phẩm, hàng dệt may, sản phẩm mỹ thuật;
- Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ in ấn;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo đầu tư, xúc tiến thương mại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh, môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn và giá đất);
- Xây dựng, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;

Trụ sở chính của Công ty tại Số 9 Đinh Lễ - Hoàn Kiếm – Hà Nội

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên	Địa chỉ
Trụ sở chính	Số 9 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Vinexad TP Hồ Chí Minh	49 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vinexad Đà Nẵng	77 Ba Đình, Hải Châu, Đà Nẵng
Trung tâm Máy văn phòng và Dịch vụ thương mại	Số 9 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là : 2.763.717.782 VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là : 2.715.879.503 VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có :

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI (VINEXAD)

Địa chỉ: Số 9 Đinh Lễ - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Hội đồng quản trị:

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông : Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch HĐQT
Ông : Phạm Quỳnh Giang	Phó Chủ tịch
Ông : Đinh Văn Khải	Ủy viên
Ông : Trịnh Xuân Tuấn	Ủy viên
Bà : Đỗ Thị Hoài	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông : Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc
Ông : Trịnh Xuân Tuấn	P.Tổng Giám đốc
Ông : Phạm Quỳnh Giang	P.Tổng Giám đốc
Ông : Đinh Văn Khải	P.Tổng Giám đốc
Bà : Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI (VINEXAD)

Địa chỉ: Số 9 Đinh Lễ - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quảng Cáo và Hội Chợ Thương Mại phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

Hà nội, ngày 21 tháng 01 năm 2011.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Khắc Luận

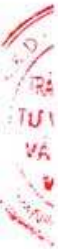
Hà nội, ngày 21 tháng 01 năm 2011.

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận



Số : *96.7*/BCKT/TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội Chợ Thương Mại

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội Chợ Thương Mại

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội Chợ Thương Mại được lập ngày 21/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 08 đến trang 23 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên :

Trong năm, Công ty đang ghi nhận doanh thu cho thuê một số biển quảng cáo theo tiền về mà không ghi nhận doanh thu theo thời gian thực tế cho thuê.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương Mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Bảo Trung

Chứng chỉ KTV số: 0373/KTV

A blue ink signature of Nguyễn Việt Long.

Nguyễn Việt Long

Chứng chỉ KTV số: 0692/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.284.618.829	23.491.847.912
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		8.595.106.059	8.258.056.926
111	1. Tiền	3	5.595.106.059	8.258.056.926
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.089.117.024	7.718.328.690
131	1. Phải thu khách hàng		2.981.094.451	3.632.445.947
132	2. Trả trước cho người bán		3.070.618.269	957.079.500
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	814.229.903
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.323.818.004	2.314.573.340
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(286.413.700)	-
140	IV. Hàng tồn kho		3.760.013.320	5.449.026.377
141	1. Hàng tồn kho	5	3.760.013.320	5.449.026.377
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.840.382.426	2.066.435.919
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		113.233.100	21.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	145.634.108	140.731.655
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.581.515.218	1.904.704.264
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.857.997.064	7.341.601.233
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		10.919.346.671	6.488.649.481
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.919.346.671	6.488.649.481
222	- Nguyên giá		14.939.981.094	9.896.269.670
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.020.634.423)	(3.407.620.189)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		572.150.000	327.150.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		327.150.000	327.150.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8	245.000.000	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		366.500.393	525.801.752
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	116.500.393	275.801.752
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		250.000.000	250.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		33.142.615.893	30.833.449.145

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		15.137.731.617	13.981.682.717
310	I. Nợ ngắn hạn		12.381.044.155	13.829.733.122
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	595.140.000	926.320.000
312	2. Phải trả người bán		2.259.901.362	2.859.197.202
313	3. Người mua trả tiền trước		4.590.918.898	6.412.302.613
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.250.793.621	203.349.118
315	5. Phải trả người lao động		201.200.000	320.764.257
316	6. Chi phí phải trả	12	52.102.800	71.302.800
317	7. Phải trả nội bộ		-	771.607.528
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	3.424.099.144	2.190.329.685
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	28.537.614
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.888.330	46.022.305
330	II. Nợ dài hạn		2.756.687.462	151.949.595
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	43.176.649	71.000.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		51.247.619	80.949.595
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		2.662.263.194	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.004.884.276	16.851.766.428
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	18.004.884.276	16.851.766.428
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		10.500.000.000	10.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.750.000.000	1.750.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		283.613.323	501.069.657
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.465.800.979	2.152.653.376
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		289.590.471	205.855.851
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.715.879.503	1.742.187.544
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		33.142.615.893	30.833.449.145

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1.	Tài sản thuê ngoài		-	
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	
5.	Ngoại tệ các loại		-	
	- USD		323,72	311,88
	- EUR		270,44	
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2011

Người lập

Nguyễn Tuyết Mai

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	79.992.640.199	78.980.987.524
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	159.403.426
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	18	79.992.640.199	78.821.584.098
11	4. Giá vốn hàng bán	19	71.584.693.104	67.914.487.136
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.407.947.095	10.907.096.962
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.257.008.757	125.828.262
22	7. Chi phí tài chính	21	-	37.116.453
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	37.116.453
24	8. Chi phí bán hàng		4.343.191	62.975.818
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.541.821.037	8.869.943.954
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		118.791.624	2.062.888.999
31	11. Thu nhập khác		5.463.889.796	298.905.129
32	12. Chi phí khác		1.555.867.651	126.782.128
40	13. Lợi nhuận khác		3.908.022.145	172.123.001
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.026.813.769	2.235.012.000
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.263.095.987	195.563.550
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.763.717.782	2.039.448.450
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.632	1.942

Người lập



Nguyễn Tuyết Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		4.026.813.769	2.235.012.000
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.045.369.175	(1.074.721.846)
02	- Khấu hao tài sản cố định		928.194.797	(813.887.036)
03	- Các khoản dự phòng		286.413.700	
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(169.239.322)	(297.951.263)
06	- Chi phí lãi vay			37.116.453
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.072.182.944	1.160.290.154
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		665.987.012	5.682.412.063
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.689.013.057	1.001.548.658
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		371.999.521	(5.476.665.331)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		67.068.259	91.912.589
13	- Tiền lãi vay đã trả			(37.116.453)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(154.940.048)	(410.010.098)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.219.590.909	1.429.616.820
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.043.342.336)	(325.279.366)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.887.559.318	3.116.709.036
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.757.828.954)	(1.959.519.181)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		530.700.000	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(245.000.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.257.008.757	125.828.262
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.215.120.197)	(1.833.690.919)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			1.129.945.824
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(359.003.351)	(515.995.824)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.260.000.000)	(339.755.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.619.003.351)	274.195.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		53.435.770	1.557.213.117
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.258.056.926	6.700.843.809
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		283.613.363	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		8.595.106.059	8.258.056.926

2010
KINH
NHIỆM
AN KẾ
KIỂM T
VIỆT N
TIỀN

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội Chợ Thương Mại là Công ty Công ty cổ phần được thành lập theo theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 05 năm 2007.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010028 ngày 27 tháng 04 năm 2006 thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 05 năm 2007. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh là: 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng)/.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 9 Đinh Lễ - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là quảng cáo, tổ chức triển lãm sự kiện.

Ngành nghề kinh doanh

- Quảng cáo và Hội chợ triển lãm thương mại;
- Du lịch, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị máy văn phòng, hàng điện tử, nông sản thực phẩm, hàng dệt may, sản phẩm mỹ thuật;
- Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ in ấn;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo đầu tư, xúc tiến thương mại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh, môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn và giá đất);
- Xây dựng, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;



2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được áp dụng theo thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính/

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
Máy móc thiết bị	05-14 năm
Phương tiện vận tải	06-15 năm
Thiết bị văn phòng	03-10 năm
Phần mềm quản lý	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15/12/2010

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Năm 2006 Công ty chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần. Theo quy định Công ty được miễn thuế TNDN năm 2007 và năm 2008, được giảm 50% số thuế TNDN cho năm 2009 và năm 2010.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



3 . TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	355.618.078	516.734.638
Tiền gửi ngân hàng	5.239.487.981	7.741.322.288
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u><u>5.595.106.059</u></u>	<u><u>8.258.056.926</u></u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	817.706.519	1.734.414.718
Phải trả, phải nộp khác (Dư Nợ)	506.111.485	580.158.622
Cộng	<u><u>1.323.818.004</u></u>	<u><u>2.314.573.340</u></u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.751.747.805	5.300.679.476
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	8.265.515	148.346.901
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u><u>3.760.013.320</u></u>	<u><u>5.449.026.377</u></u>

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	145.634.108	57.898.445
Thuế khác	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	82.833.210
Thuế khác	-	-
Cộng	<u><u>145.634.108</u></u>	<u><u>140.731.655</u></u>



7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	MMTB DCQL	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.299.569.672	1.291.155.137	2.305.544.861	-	9.896.269.670
Số tăng trong kỳ	4.979.279.409	16.454.545	762.095.000	-	5.757.828.954
- Mua trong kỳ	4.979.279.409	16.454.545	762.095.000	-	5.757.828.954
- Đầu tư XD CB h. thành					-
- Tăng khác					-
Số giảm trong kỳ	-	95.722.292	618.395.238	-	714.117.530
- Thanh lý, nhượng bán		95.722.292	618.395.238		714.117.530
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	<u>11.278.849.081</u>	<u>1.211.887.390</u>	<u>2.449.244.623</u>	-	<u>14.939.981.094</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.907.605.835	482.698.017	1.017.316.337	-	3.407.620.189
Số tăng trong kỳ	451.664.844	293.981.979	182.547.974	-	928.194.797
- Khấu hao trong kỳ	451.664.844	293.981.979	182.547.974		928.194.797
- Tăng khác					-
Số giảm trong kỳ	-	95.722.292	219.458.271	-	315.180.563
- Thanh lý, nhượng bán		95.722.292	219.458.271		315.180.563
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	<u>2.359.270.679</u>	<u>680.957.704</u>	<u>980.406.040</u>	-	<u>4.020.634.423</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	<u>4.391.963.837</u>	<u>808.457.120</u>	<u>1.288.228.524</u>	-	<u>6.488.649.481</u>
Số dư cuối năm	<u>8.919.578.402</u>	<u>530.929.686</u>	<u>1.468.838.583</u>	-	<u>10.919.346.671</u>

8 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	245.000.000	-
Cộng	<u>245.000.000</u>	<u>-</u>

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	116.500.393	275.801.752
Giá trị lợi thế thương mại	-	-
Cộng	<u>116.500.393</u>	<u>275.801.752</u>

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	595.140.000	926.320.000
- Vay ngân hàng		-
- Vay đối tượng khác	595.140.000	926.320.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>595.140.000</u>	<u>926.320.000</u>

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	198.402.532	166.877.482
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.026.434.538	1.111.808
Thuế thu nhập cá nhân	25.956.551	35.359.828
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	<u>1.250.793.621</u>	<u>203.349.118</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả Văn phòng	-	19.200.000
Chi phí phải trả Chi nhánh Đà Nẵng	52.102.800	52.102.800
Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	<u>52.102.800</u>	<u>71.302.800</u>

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	46.173.585	58.953.751
Bảo hiểm xã hội	30.001.203	28.215.502
Bảo hiểm y tế	8.479.370	8.479.370
Phải trả về cổ phần hoá	60.733.010	357.381.341
Phải trả phải nộp khác	3.106.414.860	1.557.517.899
Phải thu khác (Dư Có)	171.287.916	179.781.822
Tạm ứng (Dư Có)	1.009.200	-
Cộng	<u>3.424.099.144</u>	<u>2.190.329.685</u>

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	43.176.649	71.000.000
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác(Chi nhánh Sài Gòn)	43.176.649	71.000.000
- Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>43.176.649</u>	<u>71.000.000</u>

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	10.500.000.000	1.750.000.000	1.685.081.414	216.647.593	888.358.709
Tăng vốn trong năm trước					
Lãi trong năm trước					2.039.448.450
Tăng khác			784.256.524	90.958.676	488.867.961
Giảm khác			(316.684.562)	(101.750.418)	(1.674.487.576)
Số dư cuối năm trước	10.500.000.000	1.750.000.000	2.152.653.376	205.855.851	1.742.187.544
Tăng vốn trong năm nay					
Lãi trong năm nay					2.763.717.782
Tăng khác			313.147.603	83.734.620	
Giảm khác (*)					(1.790.025.823)
Số dư cuối năm nay	10.500.000.000	1.750.000.000	2.465.800.979	289.590.471	2.715.879.503

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	%	01/01/2010	%
Vốn góp của Nhà nước	2.126.000.000	20,25%	2.126.000.000	20,25%
Vốn góp của các đối tượng khác	8.374.000.000	79,75%	8.374.000.000	79,75%
Cộng	10.500.000.000	100%	10.500.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2010	01/01/2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	10.500.000.000	10.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	10.500.000.000	10.500.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng

f) Các quỹ của công ty

	31/12/2010	01/01/2010
- Quỹ đầu tư phát triển	2.465.800.979	2.152.653.376
- Quỹ dự phòng tài chính	289.590.471	205.855.851

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	363.264.909	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.629.375.290	78.980.987.524
Cộng	79.992.640.199	78.980.987.524

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	159.403.426
Cộng	-	159.403.426

18 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	363.264.909	-
Doanh thu thuần dịch vụ	79.629.375.290	78.821.584.098
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	79.992.640.199	78.821.584.098

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	71.584.693.104	67.914.487.136
Cộng	71.584.693.104	67.914.487.136

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	729.133.820	125.828.262
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	527.874.937	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	1.257.008.757	125.828.262

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	37.116.453
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	-	37.116.453

02/28/3
 CÔNG TY
 TNHH HỮU
 HẠN KẾ T
 HẠN T C
 H T NAI
 10

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.263.095.987	195.563.550
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
	<u>1.263.095.987</u>	<u>195.563.550</u>

23 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

Người lập



Nguyễn Tuyết Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

